TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẦN ĐỀ** **TỈNH SÓC TRĂNG** Bản án số: 81/2023/HNGĐ-ST Ngày 14/8/2023 Về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Đức Chương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Thạch Văn Mến;

2. Bà Hà Ngân Kim Tới.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Dũng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Bà Lý Thị Thanh Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 39/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 3 năm 2023 về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con và cấp dưỡng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 66/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26/6/2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 65/2023/QĐST-HNGĐ ngày 12/7/2023 và Thông báo về việc thay đổi thời gian mở phiên tòa số 04/2023/TB-TA ngày 31/7/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Quách Ngọc N, sinh năm 2000 (Có mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, ấp G, thị trấn T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

2. *Bị đơn:* Anh Kim Đan T, sinh năm 2000 (Vắng mặt);

Địa chỉ: Nhà không số, ấp C, xã Đ, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là chị Quách Ngọc N trình bày:

Năm 2018, chị N kết hôn cùng anh Kim Đan T; được cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2021 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Trần Đề.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu và đã có 01 con chung là cháu Kim Yến V (Nữ), sinh ngày 16/3/2020.

Do bất đồng quan điểm giữa chị N với gia đình chồng, dẫn đến phát sinh mâu thuẫn với anh T và vợ chồng không khắc phục được nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn hạnh phúc nữa, đã không còn sống chung từ tháng 8/2020 khi cháu V mới được hơn 04 tháng tuổi; suốt thời gian này, anh T có duy nhất một lần gửi 03 bộ đồ và một thùng sữa cho con. Nay, chị N yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Kim Yến V, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con 1.000.000 đồng/tháng (Mỗi tháng cấp dưỡng một triệu đồng).

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ nguyên đơn giao nộp gồm: Bản sao Căn cước công dân của chị N; Giấy chứng nhận kết hôn của anh T với chị N; Bản sao Giấy khai sinh của cháu Kim Yến V; Đơn yêu cầu Tòa án hỗ trợ gửi bản sao tài liệu, chứng cứ; Đơn đề nghị không hòa giải theo Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án; Đơn xác nhận nơi cư trú của chị N, anh T.

- Đối với bị đơn là anh Kim Đan T: Dù được tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, tại Thông báo có thể hiện đầy đủ những tình tiết, sự kiện, tài liệu, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng anh T không phản đối, không có văn bản trình bày ý kiến của mình. Tòa án đã thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng anh T đều vắng mặt không có lý do, anh T được tống đạt Thông báo kết quả phiên họp cũng như việc thu thập được tài liệu, chứng cứ và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Phiên tòa ngày 12/7/2023, bị đơn vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn phiên tòa và tiếp tục đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

- Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được là: Biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân, nguyên nhân phát sinh tranh chấp, điều kiện của các đương sự. Chị N, anh T đều không có ý kiến phản đối về tài liệu, chứng cứ do đương sự khác giao nộp và do Tòa án thu thập được.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa nêu quan điểm: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định chính xác quan hệ pháp luật tranh chấp; thu thập chứng cứ đầy đủ, đúng pháp luật; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không chấp hành triệu tập của Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử cho chị N được ly hôn với anh T; giao cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng con chung, anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; không xem xét, giải quyết về tài sản và nợ chung do không có yêu cầu; quyết định về nghĩa vụ chịu án phí đối với đương sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Chị N yêu cầu ly hôn với anh T và giải quyết quyền nuôi con chung, nghĩa vụ cấp dưỡng cho con; không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 (Sau đây gọi là Luật hôn nhân và gia đình); thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trần Đề quy định tại Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn là anh Kim Đan T đã được triệu tập hợp lệ hai lần tham gia phiên tòa, đều vắng mặt không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt của mình. Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn và Kiểm sát viên yêu cầu Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự để xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung giải quyết:

- Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn của anh T với chị N, bản sao Giấy khai sinh của cháu Kim Yến V, Đơn xác nhận về cư trú của các đương sự cũng như việc không phản đối của anh Trường và kết quả xác minh của Tòa án; đối chiếu với quy định tại điểm c Khoản 1, Khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử khẳng định lời trình bày của chị N về kết hôn với anh T, được Ủy ban nhân dân xã Đại Ân 2 cấp Giấy chứng nhận kết hôn và vợ chồng có 01 con chung là sự thật. Cho nên, chị N và anh T đang tồn tại quan hệ hôn nhân hợp pháp quy định tại Khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, làm phát sinh các quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật; trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình và sống chung với nhau. Tuy nhiên, từ khoảng 03 năm nay, dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội nhưng chị N và anh T không sống chung; không cùng nhau chăm sóc cháu Vy. Như vậy, chị N và anh T đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân và gia đình; vợ chồng không còn thương yêu, tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được nên áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị N ly hôn với anh T.

- Thời điểm xét xử vụ án, cháu V mới được hơn 03 tuổi, do chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng từ khoảng 03 năm nay, vẫn đảm bảo phát triển bình thường về thể chất, trí tuệ; chính quyền địa phương không nhận được yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân nào về hỗ trợ chăm sóc cháu V; đồng thời, chị N yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, yêu cầu anh T cấp dưỡng cho con.

Xét, chị N đã thực hiện đúng nghĩa vụ và quyền của cha mẹ quy định tại Điều 69 của Luật hôn nhân và gia đình. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt được tốt hơn và tránh sự xáo trộn nề nếp sinh hoạt, môi trường sinh sống của cháu V thì cần căn cứ Điều 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình để giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng con chung; anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Trên cơ sở anh T không phản đối về mức cấp dưỡng cho con, theo yêu cầu của chị N; căn cứ nhu cầu thiết yếu về nuôi dưỡng, học tập của cháu V và anh T có khả năng lao động, cũng không thuộc diện hộ nghèo hay cận nghèo theo kết quả xác minh của Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử nhận định, mức cấp dưỡng cho con mỗi tháng 1.000.000 đồng, hình thức cấp dưỡng mỗi tháng một lần là phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện cuộc sống thực tế tại địa phương. Việc cấp dưỡng này không ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của anh T, bởi anh T còn có quyền yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng cho con quy định tại Khoản 2 Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình.

- Nguyên đơn tiếp tục khẳng định không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị N chịu 300.000 đồng theo điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa XIV, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Toàn bộ quan điểm, đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề là có căn cứ pháp lý, có cơ sở thực tiễn như đã nhận định ở trên. Hội đồng xét xử cần chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đã nêu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 5 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 1 và Khoản 2 Điều 143, Khoản 3 Điều 144, Khoản 4 Điều 147, điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 và Khoản 2 Điều 482 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116, Điều 117, Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 và điểm a Khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Quách Ngọc N được ly hôn với anh Kim Đan T.

2. Về quyền nuôi con chung:

Giao cho chị N được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Kim Yến V (Nữ), sinh ngày 16/3/2020.

Trong thời gian chị N nuôi con, không ai được quyền ngăn cản sự thăm nom, chăm sóc và giáo dục của cha mẹ đối với con chung.

Vì quyền lợi về mọi mặt của cháu V, các đương sự có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

3. Về cấp dưỡng: Anh Kim Đan T có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Kim Yến V, cấp dưỡng định kỳ 1.000.000 đồng/tháng (Mỗi tháng một triệu đồng) đến khi cháu V thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình, trừ khi thuộc trường hợp chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định của pháp luật. Việc cấp dưỡng này được thi hành ngay mặc dù Bản án có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Mặt khác, các đương sự còn có quyền yêu cầu thay đổi người có nghĩa vụ cấp dưỡng và mức cấp dưỡng cho con nếu có căn cứ hợp pháp, theo quy định của pháp luật.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn khẳng định không có, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Án phí sơ thẩm:

Nguyên đơn Quách Ngọc N chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng, theo Biên lai số 0006651 ngày 13/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trần Đề. Chị Quách Ngọc N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Anh Kim Đan T chịu án phí cấp dưỡng là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

6. Chị Quách Ngọc N có quyền kháng cáo đối với Bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án; anh Kim Đan T có quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Trần Đề;
- UBND xã Đại Ân 2;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Lưu HSVA, VT.

CHU ĐỨC CHƯƠNG